

Số: **47/2022/QĐST-HNGĐ**

Hương Thủy, ngày 15 tháng 9 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 120/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Văn Tuấn A; sinh năm 1994; Địa chỉ: Số A, đường N, tổ Y, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Chị Phạm Thị Ngọc T; sinh năm 1994; Địa chỉ: Số B đường N, tổ Y, phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 9 năm 2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Nguyễn Văn Tuấn A và chị Phạm Thị Ngọc T đăng ký kết hôn vào ngày 30/11/2017 tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn Tuấn A và chị Phạm Thị Ngọc T là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, sống với nhau không hạnh phúc, hai vợ chồng đã sống ly thân lâu nay, hiện tại tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn, đoàn tụ được.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn Tuấn A và chị Phạm Thị Ngọc T đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, việc thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Tuấn A và chị Phạm Thị Ngọc T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Tuấn A và chị Phạm Thị Ngọc T.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Văn Tuấn A và chị Phạm Thị Ngọc T công nhận vợ chồng có 01 người con chung là Nguyễn Ngọc Bảo C, sinh ngày 29/6/2018. Anh Tuấn A và chị Thùy thỏa thuận giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo C cho anh Nguyễn Văn Tuấn A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị Ngọc T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Văn Tuấn A và chị Phạm Thị Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Nguyễn Văn Tuấn A và chị Phạm Thị Ngọc T thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Anh Nguyễn Văn Tuấn A và chị Phạm Thị Ngọc T công nhận vợ chồng có 01 người con chung là Nguyễn Ngọc Bảo C, sinh ngày 29/6/2018. Anh Tuấn A và chị Thùy thỏa thuận giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo C cho anh Nguyễn Văn Tuấn A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- **Về cấp dưỡng nuôi con:** Chị Phạm Thị Ngọc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Chị Thùy có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày anh Nguyễn Văn Tuấn A có đơn yêu cầu thi hành án, chị Phạm Thị Ngọc T không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền cấp dưỡng nuôi con định kỳ thì phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Anh Nguyễn Văn Tuấn A và chị Phạm Thị Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án:

Anh Nguyễn Văn Tuấn A và chị Phạm Thị Ngọc T mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí là 150.000 đồng mà anh Nguyễn Văn Tuấn A đã nộp tại biên lai số AA/2021/0003591 ngày 29/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế và số tiền tạm ứng lệ phí là 150.000 đồng mà chị Phạm Thị Ngọc T đã nộp tại biên lai số AA/2021/0003592 ngày 29/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh Tuấn và chị Thùy đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- Chi cục THADS thị xã Hương Thủy;
- UBND phường P (ĐKKH ngày 30/11/2017);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Trần Thị Phương Thảo